Số: 2839/QĐ-UBND
Thời gian ký: 2026-07-30T13:52:57+07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH
Đổi mới sáng tạo tỉnh Cà Mau giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035

(kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

- Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo ngày 28 tháng 6 năm 2025;

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân;

- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW;

- Nghị quyết số 86/NQ-CP ngày 05/4/2026 của Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về khởi nghiệp sáng tạo;

- Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

- Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo;

- Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN ngày 26/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định khung về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành, quản lý, tổ chức thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và quy định về trình tự, thủ tục xét tài trợ, đặt hàng, ký hợp đồng, tổ chức thực hiện, chấm dứt thực hiện, thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ và đánh giá đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

II. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH

1. Đặc điểm, tiềm năng và hạn chế nội tại của tỉnh

1.1. Vị trí, tiềm năng và lợi thế

Tỉnh Cà Mau là tỉnh địa đầu cực Nam của Tổ quốc với quy mô dân số và không gian phát triển được mở rộng; nhiều lợi thế cạnh tranh đặc thù: thủy sản với thế mạnh con tôm xuất khẩu, năng lượng tái tạo (điện khí, điện mặt trời, điện gió), kinh tế biển, nông nghiệp và du lịch sinh thái. Đây là nền tảng tài nguyên bản địa giàu tiềm năng để phát triển các mô hình đổi mới sáng tạo gắn với chế biến sâu, kinh tế xanh và thích ứng biến đổi khí hậu.

Tuy nhiên, cơ cấu kinh tế của tỉnh còn thiếu các động lực tăng trưởng mới. Tổng thu ngân sách nhà nước năm 2025 đạt khoảng 11.700 tỷ đồng, nhưng nguồn thu từ xổ số kiến thiết chiếm tới khoảng 43%, cho thấy nền kinh tế chưa được dẫn dắt bởi khoa học, công nghệ và doanh nghiệp đổi mới sáng tạo. Đây chính là dư địa lớn cần khai thác.

1.2. Hạn chế nội tại và kết quả Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII)

Các điểm nghẽn nội tại của tỉnh mang tính cấu trúc: nguồn nhân lực công nghệ và hoạt động nghiên cứu phát triển còn mỏng; thị trường nội địa nhỏ và xa các trung tâm kinh tế lớn; nền kinh tế còn thiên về khai thác thô, giá trị gia tăng thấp.

Kết quả Chỉ số PII do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố phản ánh rõ thực trạng này. Năm 2024, tỉnh Cà Mau (cũ) đạt 32,53 điểm, tỉnh Bạc Liêu (cũ) đạt 30,32 điểm, trong bối cảnh cả vùng đồng bằng sông Cửu Long vẫn ở mặt bằng thấp với điểm trung bình năm 2024 là 33,69 điểm. Phân tích cơ cấu cho thấy, trong khi trụ cột Thể chế đã là điểm mạnh (66,48 điểm), bốn trụ cột yếu nhất cần ưu tiên tháo gỡ là: Trình độ phát triển của doanh nghiệp (16,60 điểm, thấp nhất), vốn con người và nghiên cứu phát triển (25,20 điểm), trình độ phát triển của thị trường (25,68 điểm) và sản phẩm tri thức, sáng tạo và công nghệ (27,71 điểm). Đây là những điểm nghẽn cốt lõi mà Chương trình cần tập trung giải quyết; điểm xuất phát và lộ trình nâng hạng sẽ được chuẩn hóa trên nền dữ liệu hợp nhất của tỉnh Cà Mau (mới) khi PII năm 2025 được công bố (hiện chưa công bố).

2. Thực trạng khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo

2.1. Kết quả đạt được

Từ năm 2017 đến nay, tỉnh đã đạt những kết quả bước đầu đáng ghi nhận. Tinh thần khởi nghiệp được khơi dậy; ngày hội Khởi nghiệp tỉnh Cà Mau (CamaUP) trở thành thương hiệu có nhận diện rõ ràng; cổng thông tin khởi nghiệp đi vào hoạt động, hỗ trợ trên nhiều lĩnh vực từ tư vấn, đào tạo, tài chính, sở hữu trí tuệ đến hoàn thiện và thương mại hóa sản phẩm. Số doanh nghiệp đang hoạt động tăng từ 3.176 (bình quân giai đoạn 2016 đến 2020) lên 3.662 vào năm 2022; nhiều mô hình khởi nghiệp xanh gắn với lợi thế bản địa đã hình thành quanh sản phẩm OCOP, nông nghiệp công nghệ cao, thủy sản, mô hình tôm rừng, lúa tôm và năng lượng tái tạo. Riêng năm 2024, tỉnh Cà Mau (cũ) có 04 doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ, 76 dự án khởi

nghiệp sáng tạo tham gia các chương trình hỗ trợ của địa phương và 29 sản phẩm OCOP hạng 4 sao.

2.2. Hạn chế và vấn đề chưa đạt

Quy mô và năng lực của hệ sinh thái vẫn ở mức thấp. Mật độ doanh nghiệp trên 1.000 lao động chỉ đạt 7,2 (tỉnh Cà Mau cũ) và 5,5 (tỉnh Bạc Liêu cũ), thấp xa mức bình quân cả nước là 19,7; phần lớn là doanh nghiệp siêu nhỏ (khoảng 70%). Thu nhập bình quân của người lao động trong doanh nghiệp năm 2022 chỉ đạt 9,0 triệu đồng/người/tháng (tỉnh Cà Mau cũ) và 6,5 triệu đồng (tỉnh Bạc Liêu cũ), so với 11,5 triệu đồng của cả nước, phản ánh giá trị gia tăng và hàm lượng công nghệ còn thấp.

Về hệ sinh thái, các cấu phần còn vận hành rời rạc, thiếu chương trình tổng thể dài hạn, thiếu cơ chế phối hợp liên ngành, thiếu công cụ tài chính phù hợp và thiếu một đầu mối điều phối thống nhất. Hoạt động khởi nghiệp thời gian qua mới chủ yếu dừng ở khơi dậy phong trào, chưa hình thành được lực lượng doanh nghiệp đổi mới sáng tạo có khả năng tăng trưởng, thương mại hóa và gọi vốn thật sự. Bối cảnh nguồn vốn cũng kém thuận lợi: ở cấp quốc gia, tổng vốn đầu tư mạo hiểm năm 2024 giảm còn 398 triệu USD, giảm 24,7% so với năm 2023, khiến một địa phương xa trung tâm như Cà Mau càng khó thu hút vốn nếu thiếu cơ chế tài chính nội tỉnh và mạng lưới nhà đầu tư phù hợp.

3. Yêu cầu đặt ra và sự cần thiết ban hành Chương trình

Thực trạng trên cho thấy khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo tuy đã được quan tâm nhưng chưa trở thành động lực tăng trưởng của tỉnh. Yêu cầu đặt ra là chuyển từ mô hình hỗ trợ phong trào sang kiến tạo thị trường và phát triển doanh nghiệp đổi mới sáng tạo có năng lực tăng trưởng thật, thông qua một chương trình tổng thể, dài hạn, có đầu mối điều phối, có công cụ tài chính linh hoạt và gắn chặt với lợi thế bản địa.

Yêu cầu này hội tụ với cơ hội từ hành lang pháp lý mới. Nghị quyết số 57-NQ/TW, Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo năm 2025 cùng các Nghị định số 267/2025/NĐ-CP và 268/2025/NĐ-CP đã tạo lập nhiều cơ chế đột phá, cho phép tỉnh chủ động thiết lập "luật chơi" riêng: thử nghiệm có kiểm soát (sandbox), đồng tài trợ 1:1 với vốn tư nhân (matching fund), phiếu hỗ trợ tài chính (voucher) và công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo có cơ chế đặc thù.

Trong bối cảnh chuyển đổi xanh, chuyển đổi số và thích ứng biến đổi khí hậu, đổi mới sáng tạo chính là công cụ để Cà Mau chuyển đổi mô hình tăng trưởng, biến lợi thế tài nguyên bản địa thành giá trị gia tăng cao, tạo nguồn thu bền vững thay cho sự lệ thuộc vào các nguồn thu truyền thống và nâng cao vị thế của tỉnh. Vì vậy, việc ban hành Chương trình Đổi mới sáng tạo tỉnh Cà Mau giai đoạn 2026 đến 2030, định hướng đến năm 2035 là cần thiết và cấp bách.

III. QUAN ĐIỂM

1. Lấy doanh nghiệp làm trung tâm; Nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, kiến tạo

và tạo lập môi trường thử nghiệm.

2. Lấy bài toán thực tiễn của tỉnh làm động lực đổi mới sáng tạo; lấy công nghệ số làm công cụ tạo giá trị mới.

3. Tập trung vào thế mạnh đặc thù: kinh tế biển, thủy sản (trọng tâm con tôm), nông nghiệp công nghệ cao và thích ứng biến đổi khí hậu, không dàn trải, không chạy theo phong trào.

4. Làm thật, đo bằng kết quả và tác động thực; gọn nhẹ, tập trung, hiệu quả; chấp nhận rủi ro trong khuôn khổ thử nghiệm có kiểm soát.

5. Đẩy mạnh xã hội hóa nguồn lực; tăng dần tỷ trọng vốn ngoài ngân sách nhà nước để bảo đảm tính bền vững.

IV. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Hình thành và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo tỉnh Cà Mau theo hướng thực chất, tập trung vào thế mạnh kinh tế biển, thủy sản, nông nghiệp công nghệ cao, chuyển đổi số doanh nghiệp truyền thống và thích ứng biến đổi khí hậu; lấy bài toán thực tiễn làm động lực, lấy thị trường thật làm bộ lọc và lấy kết quả làm thước đo. Triển khai hiệu quả Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo năm 2025 phù hợp điều kiện và lợi thế của tỉnh; góp phần chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Thể chế, chính sách và nền tảng dữ liệu: Ban hành 02-04 cơ chế, chính sách, trong đó có tối thiểu 01 Quy chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) cấp tỉnh gắn kinh tế biển, thủy sản; xây dựng, vận hành bản đồ hệ sinh thái và nền tảng dữ liệu phục vụ ra quyết định.

2.2. Nhận diện, tạo nguồn: Hỗ trợ 100-150 ý tưởng, dự án tiếp cận dịch vụ của Chương trình, ưu tiên dự án giải quyết bài toán thực tiễn thuộc 03 trụ cột chiến lược.

2.3. Ươm tạo và công nhận: Ươm tạo 30-50 dự án, doanh nghiệp; hỗ trợ thử nghiệm 40-50 sản phẩm, dịch vụ mới; hỗ trợ bảo hộ tài sản trí tuệ 10-15 sản phẩm; hình thành, công nhận 20-40 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo theo Nghị định 268/2025/NĐ-CP.

2.4. Tăng tốc, thương mại hóa và gọi vốn: 15-20 doanh nghiệp, dự án có doanh thu thương mại hoặc ký hợp đồng thử nghiệm, B2B; 10-15 doanh nghiệp gọi được vốn đầu tư tư nhân; tổng vốn tư nhân, đối ứng huy động đạt tối thiểu 30 tỷ đồng (tương ứng tỷ lệ đối ứng nhà nước và tư nhân khoảng 1:1,5 theo cơ chế đồng tài trợ tại Nghị định 268/2025/NĐ-CP).

2.5. Chuyển đổi số doanh nghiệp, hợp tác xã: Hỗ trợ 80-100 doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh, doanh nghiệp một người (OPC) ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số có hiệu quả.

2.6. Nhân tài và mạng lưới: Phát hiện, đào tạo, phát triển 100-150 nhân tài công nghệ theo các nhóm năng lực gắn thế mạnh địa phương; xây dựng, số hóa mạng lưới tối thiểu 50 chuyên gia, mentor, nhà đầu tư đồng hành.

2.7. Hạ tầng và trung tâm: Hỗ trợ 01 trung tâm đổi mới sáng tạo của tỉnh đạt chuẩn theo Nghị định 268/2025/NĐ-CP, đóng vai trò hạt nhân; hình thành 03-05 điểm vệ tinh chuyên ngành dùng chung nền tảng, tương ứng 4-6 trung tâm được công nhận; có tối thiểu 05 quỹ, nhà đầu tư cam kết đồng hành.

2.8. Chỉ số Đổi mới sáng tạo cấp tỉnh (PII): Xác định điểm xuất phát khi ban hành Chương trình; đến năm 2028 cải thiện 5-7 bậc; đến năm 2030 thuộc nhóm dẫn đầu khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và cải thiện rõ rệt các trụ cột đang là điểm nghẽn.

3. Định hướng đến năm 2035

- Cà Mau trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo chuyên ngành kinh tế biển, thủy sản (trọng tâm con tôm), nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và thích ứng biến đổi khí hậu của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

- Có 01 trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo được công nhận theo quy định của Nghị định 268/2025/NĐ-CP, giữ vai trò hạt nhân của hệ sinh thái; kết nối, hợp tác với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia (NIC), thành phố Hồ Chí Minh và các trung tâm trong, ngoài nước; tăng dần tỷ trọng nguồn lực đầu tư tư nhân và xã hội hóa, hướng đến tự vận hành tài chính.

V. NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Chương trình triển khai theo định hướng chiến lược "3 trụ cột, 4 chương trình thành phần" gắn với vòng đời hệ sinh thái khởi nghiệp, đảm bảo bao phủ toàn bộ chuỗi hỗ trợ từ nhận thức đến thương mại hóa.

1. Ba trụ cột chiến lược

Trụ cột 1: Kinh tế biển, thủy sản và nông nghiệp công nghệ cao và thích ứng biến đổi khí hậu

Hỗ trợ startup và doanh nghiệp vừa và nhỏ ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), công nghệ sinh học vào nuôi trồng, giống, môi trường nước, phòng trừ dịch bệnh; chế biến sâu, chuỗi lạnh, truy xuất nguồn gốc, sẵn sàng xuất khẩu; công nghệ thích ứng sụt lún, sạt lở, xâm nhập mặn; kinh tế tuần hoàn (tận dụng phụ phẩm thủy sản, nông nghiệp).

Trụ cột 2: Chuyển đổi số doanh nghiệp, hợp tác xã truyền thống

Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ (bao gồm doanh nghiệp 1 người, One Person Company, OPC), hợp tác xã ứng dụng phần mềm quản lý, thương mại điện tử, logistics số; voucher chuyển đổi số và mentor thực chiến từ doanh nghiệp lớn.

Trụ cột 3: Nhân tài địa phương và Kinh tế sáng tạo

Phát triển nhân lực công nghệ, cộng đồng người làm tự do, người sáng tạo (freelancer, maker, creator); kết nối mạng lưới cựu học sinh, sinh viên, người Cà Mau thành công trong và ngoài nước; hỗ trợ startup sáng tạo gắn với kinh tế biển, công nghiệp văn hóa và du lịch sinh thái.

Cơ chế gắn kết các trụ cột: Các chương trình thành phần dành tối thiểu 60-70% chỉ tiêu, ngân sách hỗ trợ cho dự án thuộc trụ cột lõi (kinh tế biển, thủy sản); cộng điểm ưu tiên khi xét chọn dự án thuộc 03 trụ cột chiến lược.

Cơ chế đặt hàng và mua sắm công đối với sản phẩm, dịch vụ đổi mới sáng tạo: Hằng năm, các sở, ngành, doanh nghiệp lớn, nhà máy chế biến và hợp tác xã công bố các "Bài toán đổi mới sáng tạo Cà Mau" và cam kết tiếp nhận thử nghiệm. Tỉnh nghiên cứu, vận dụng cơ chế khuyến khích mua sắm công đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ là kết quả nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo do doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tạo ra theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW; đồng thời áp dụng cơ chế đặt hàng thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo theo Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo năm 2025 và Nghị định số 268/2025/NĐ-CP. Theo đó, Nhà nước và doanh nghiệp lớn đóng vai trò khách hàng đầu tiên (mô hình venture client), không chỉ là nhà tài trợ, nhằm tạo đầu ra thị trường thực chất cho các giải pháp đổi mới sáng tạo của địa phương; đối với các giải pháp chuyển đổi số, nghiên cứu vận dụng cơ chế chỉ định thầu theo Nghị quyết số 193/2025/QH15 và theo quy định có liên quan.

2. Các chương trình thành phần

Gồm 04 chương trình thành phần, vận hành như một hệ thống tích hợp:

STT	Tên chương trình	Nội dung chủ yếu	Đối tượng	Dự kiến kinh phí (*tỷ đồng*)
1	Nền tảng ĐMST Cà Mau (Ca Mau Innovation Platform)	Khung chính sách và Quy chế sandbox; nền tảng dữ liệu phục vụ ra quyết định; đo và cải thiện Chỉ số PII; truyền thông, cộng đồng; mạng lưới chuyên gia và các hội đồng tư vấn.	Toàn hệ sinh thái: doanh nghiệp, tổ chức, học sinh, sinh viên, người dân	12
2	Khởi nghiệp - Ươm tạo - Tăng tốc Cà Mau (Hành trình Khởi nghiệp Cà Mau, Ca Mau	Quy trình hỗ trợ liên thông gồm 04 bước: (1) tìm nguồn từ các cuộc thi + tiền ươm tạo; (2) ươm tạo 6-12 tháng với lab dùng chung; (3) tăng tốc 3-6 tháng + đồng tài trợ 1:1; (4) kết nối, mở	Cá nhân, nhóm, doanh nghiệp khởi nghiệp từ ý tưởng đến tăng trưởng	35

	Startup Journey)	rộng quy mô, vốn, thị trường.		
3	Doanh nghiệp số Cà Mau (Ca Mau Digital SME)	Voucher chuyển đổi số gắn nhà cung cấp được thẩm định + mentor + KPI sau 90 ngày; ứng dụng AI, dữ liệu, thương mại điện tử, logistics số; nâng giá trị OCOP.	Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh, chủ thể OCOP, doanh nghiệp 1 người (OPC)	16
4	Nhân tài số Cà Mau (Ca Mau Talent)	Học bổng tài năng theo nhóm năng lực; giáo dục khởi nghiệp và đại học khởi nghiệp; mạng lưới nhân tài trong và ngoài tỉnh; kinh tế sáng tạo.	Thanh niên, sinh viên, kỹ sư, nhà nghiên cứu, freelancer, maker	12
TỔNG CỘNG				**75**

3. Chi tiết các Chương trình thành phần

3.1. Chương trình Nền tảng Đổi mới sáng tạo Cà Mau (Ca Mau Innovation Platform)

Mục tiêu: Thiết lập nền tảng thể chế, dữ liệu và hạ tầng mềm cho hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của tỉnh; tạo cơ chế thử nghiệm có kiểm soát và công cụ ra quyết định dựa trên dữ liệu, làm hạt nhân điều phối cho các chương trình thành phần.

Nội dung chính:

- Rà soát, đề xuất cơ chế, chính sách; ưu tiên ban hành Quy chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) cấp tỉnh gắn với kinh tế biển, thủy sản, kèm quy trình xử lý rủi ro và cam kết bảo vệ cán bộ.

- Xây dựng, vận hành bản đồ hệ sinh thái và nền tảng dữ liệu phục vụ ra quyết định (không chỉ để báo cáo); kết nối với nền tảng số quốc gia.

- Đo lường Chỉ số PII, báo cáo định kỳ và đề xuất giải pháp cải thiện; truyền thông, xây dựng cộng đồng đổi mới sáng tạo; số hóa mạng lưới chuyên gia, mentor, nhà đầu tư; vận hành các hội đồng tư vấn.

Dự kiến kinh phí: 12 tỷ đồng.

3.2. Chương trình Khởi nghiệp, Ươm tạo, Tăng tốc Cà Mau (thương hiệu truyền thông: Hành trình Khởi nghiệp Cà Mau, Ca Mau Startup Journey)

Mục tiêu: Vận hành một quy trình hỗ trợ liên thông từ tìm nguồn ý tưởng đến mở rộng quy mô, phát triển lực lượng doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng

tạo có năng lực tăng trưởng, thương mại hóa và gọi vốn thật sự, gắn với các bài toán chiến lược và lợi thế bản địa của tỉnh.

Nội dung chính: Triển khai quy trình 04 bước, có cơ chế xét chuyển bước với tiêu chí rõ ràng để dự án đi tiếp:

- Bước 1: Tìm nguồn từ các cuộc thi và tiền ươm tạo: công bố "Bài toán đổi mới sáng tạo Cà Mau"; tổ chức Ngày hội Khởi nghiệp (CamaUP), Ngày hội Đổi mới sáng tạo (CamaINNO); tư vấn pháp lý, sở hữu trí tuệ; cấp voucher dịch vụ; hỗ trợ vốn mồi; bố trí không gian làm việc chung.

- Bước 2: Ươm tạo 06 đến 12 tháng: vận hành mô hình lab, xưởng dùng chung theo hướng phân tán, đặt tại Trung tâm Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo tỉnh (CiNEC), trường đại học, viện nghiên cứu và nhà máy chế biến thủy sản; thử nghiệm sản phẩm theo cơ chế sandbox; triển khai mentor chuyên sâu có thù lao theo Thông tư 36/2025/TT-BKHCN.

- Bước 3: Tăng tốc 03 đến 06 tháng: mentor chiến lược; kết nối khách hàng và doanh nghiệp lớn; tổ chức Ngày trình diễn (Demo Day); áp dụng đồng tài trợ 1:1 (matching fund) theo Nghị định 268/2025/NĐ-CP; kết nối quỹ đầu tư.

- Bước 4: Kết nối và mở rộng quy mô: kết nối quỹ vùng, quỹ quốc gia, thị trường trong nước và xuất khẩu; hỗ trợ chuẩn hóa, đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu.

Cơ chế tham gia và truyền thông vận hành theo nguyên tắc "một đầu mối tiếp nhận chung, nhiều điểm tham gia theo trình độ, chuyển bước theo kết quả": doanh nghiệp đăng ký một lần tại một cổng chung (thương hiệu "Hành trình Khởi nghiệp Cà Mau"), được xếp vào đúng bước theo mức độ sẵn sàng, có thể vào thẳng bước phù hợp mà không phải làm lại từ đầu; chuyển bước bằng cơ chế xét chuyển bước (không nộp lại hồ sơ) và có lối ra ở mỗi bước. Áp dụng cơ chế tài trợ theo kết quả đầu ra.

Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định hiện hành.

Dự kiến kinh phí: 35 tỷ đồng (bao gồm phần đồng tài trợ 1:1).

3.3. Chương trình Doanh nghiệp số Cà Mau (Ca Mau Digital SME)

Mục tiêu: Nâng cao năng lực cạnh tranh số và đổi mới sáng tạo cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, doanh nghiệp một người (OPC), hộ kinh doanh đang hoạt động (nhóm có tác động rộng, khả thi và ít rủi ro nhất); hỗ trợ tối thiểu 80 đến 100 doanh nghiệp, hợp tác xã chuyển đổi số và ứng dụng đổi mới sáng tạo, giúp doanh nghiệp phát triển quy mô, tăng năng suất và giảm nguy cơ rút khỏi thị trường.

Nội dung chính:

- Lấy trọng tâm là thiết kế lại quy trình tạo giá trị của doanh nghiệp (bán hàng, quản lý tồn kho, dữ liệu khách hàng, truy xuất nguồn gốc, kế toán quản trị, thương mại điện tử, logistics số, ứng dụng AI vào vận hành), không dừng ở việc mua phần mềm hay tập huấn nhận thức đại trà.

- Triển khai theo mô hình "Voucher chuyển đổi số, Mentor và KPI sau 90 ngày": cấp phiếu hỗ trợ công nghệ số (voucher) gắn với danh sách nhà cung cấp dịch vụ được thẩm định; mỗi gói gắn mục tiêu đo được sau 90 ngày (tăng đơn hàng trực tuyến, giảm tồn kho, rút ngắn thời gian xử lý đơn, tăng tỷ lệ khách hàng quay lại, số hóa hóa đơn chứng từ, nâng cao khả năng truy xuất nguồn gốc); bố trí mentor thực chiến đồng hành.

- Ưu tiên các lĩnh vực gắn thế mạnh địa phương: nâng cao giá trị sản phẩm OCOP; ứng dụng AI, dữ liệu và thương mại điện tử cho thủy sản, nông nghiệp và du lịch; chuẩn hóa truy xuất nguồn gốc phục vụ xuất khẩu.

- Đo lường hiệu quả bằng kết quả kinh doanh thực chất (doanh thu, năng suất lao động, mức độ ứng dụng công nghệ trong quản trị), thay vì số lượt đào tạo.

- Kết nối với các chương trình khác trong tổng thể: tiếp nhận nhân lực từ Chương trình Nhân tài số; chuyển các doanh nghiệp có tiềm năng cao sang Hành trình Khởi nghiệp Cà Mau để ươm tạo, tăng tốc.

Dự kiến kinh phí: 16 tỷ đồng.

3.4. Chương trình Nhân tài số Cà Mau (Ca Mau Talent)

Mục tiêu: Phát triển nguồn nhân lực công nghệ và nhân tài số gắn với thế mạnh địa phương; định vị thuần túy là trụ cột vốn con người, cung cấp nhân lực và đội ngũ triển khai cho toàn bộ chương trình Hành trình Khởi nghiệp Cà Mau.

Nội dung chính:

- Khảo sát nhu cầu nhân lực công nghệ trước khi triển khai; cấp học bổng tài năng theo nhóm năng lực gắn thế mạnh địa phương (AI và dữ liệu cho thủy sản, nông nghiệp; IoT và Maker; kinh doanh số; du lịch sáng tạo; dữ liệu môi trường); mỗi học viên thực hiện một dự án thật.

- Giáo dục khởi nghiệp và đại học khởi nghiệp: đưa nội dung đổi mới sáng tạo vào Trường Đại học Bạc Liêu và các trường cao đẳng; đào tạo giảng viên nguồn; đặt hàng hoặc nhận chuyển giao đào tạo từ các trường, trung tâm lớn (Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Cần Thơ, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh,…).

- Phát triển mạng lưới nhân tài trong và ngoài tỉnh; phát triển kinh tế sáng tạo; đưa nhân tài vào Chương trình Khởi nghiệp, Ươm tạo, Tăng tốc.

Dự kiến kinh phí: 12 tỷ đồng.

VI. SẢN PHẨM, CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ

Trên cơ sở mục tiêu tổng quát và đặc điểm hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của tỉnh, Chương trình xác định hệ thống chỉ tiêu cụ thể theo hai nhóm: nhóm chỉ tiêu đầu ra, phản ánh khối lượng và phạm vi hỗ trợ trực tiếp; và nhóm chỉ tiêu kết quả, tác động, phản ánh hiệu quả kinh tế thực chất mà Chương trình tạo ra. Các chỉ tiêu được phân kỳ đến năm 2030 và định hướng đến năm 2035, làm căn cứ

cho công tác theo dõi, đánh giá và phân bổ nguồn lực trong quá trình thực hiện. Cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đến năm 2030	Định hướng đến năm 2035
I	**Nhóm chỉ tiêu đầu ra**		
1	Ý tưởng, dự án khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo tiếp cận dịch vụ Chương trình	100-150 ý tưởng, dự án	200-250 ý tưởng, dự án
2	Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được ươm tạo và tăng tốc, hoạt động bền vững	30-50 doanh nghiệp	60-80 doanh nghiệp
3	Sản phẩm, dịch vụ được thử nghiệm (sandbox, pilot)	40-50 sản phẩm, dịch vụ	60-70 sản phẩm, dịch vụ
4	Sản phẩm được hỗ trợ bảo hộ tài sản trí tuệ	10-15 sản phẩm	20-25 sản phẩm
5	Tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp gọi vốn hoặc thương mại hóa sản phẩm, dịch vụ thành công (bao gồm cả nhóm có doanh thu, hợp đồng và nhóm gọi được vốn)	20-25 đơn vị	30-40 đơn vị
6	Doanh nghiệp, cá nhân được công nhận khởi nghiệp sáng tạo; nhà đầu tư, chuyên gia hỗ trợ đổi mới sáng tạo	20-40 đơn vị, cá nhân	50-70 đơn vị, cá nhân
7	Trung tâm Đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo được hình thành, công nhận	4-6 trung tâm	6-8 trung tâm
8	Chuyên gia, mentor, nhà đầu tư trong mạng lưới hệ sinh thái đổi mới sáng tạo tỉnh	Tối thiểu 50 người	Tối thiểu 80 người
9	Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã được hỗ trợ chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo	80-100 đơn vị	150-200 đơn vị
10	Nhân tài công nghệ được đào tạo, cấp	100-150 người	200-300

STT	Chỉ tiêu	Đến năm 2030	Định hướng đến năm 2035
	học bổng gắn với dự án thật		người
11	Cơ chế, chính sách hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo được ban hành	2-4 cơ chế, chính sách	Tiếp tục cập nhật, hoàn thiện
12	Chỉ số Đổi mới sáng tạo cấp tỉnh (PII)	Cải thiện thứ hạng PII toàn quốc	Thuộc nhóm 10 tỉnh dẫn đầu cả nước
II	**Nhóm chỉ tiêu kết quả và tác động**		
13	Tổng vốn đầu tư tư nhân, đối ứng huy động được	Tối thiểu 30 tỷ đồng	Tối thiểu 60 tỷ đồng
14	Doanh nghiệp công nghệ "bám trụ", phát triển tại địa phương	25-30 doanh nghiệp	40-50 doanh nghiệp
15	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã cải thiện năng suất, doanh thu số sau khi tham gia	Tối thiểu 60%	Tối thiểu 70%
16	Doanh thu, giá trị thương mại hóa lũy kế từ các doanh nghiệp được hỗ trợ	Tối thiểu 100 tỷ đồng	Tối thiểu 250 tỷ đồng
17	Số việc làm trong lĩnh vực đổi mới sáng tạo, công nghệ được tạo ra	300-500	700-1.000
18	Tỷ lệ doanh nghiệp khởi nghiệp được hỗ trợ còn hoạt động sau 24 tháng	Tối thiểu 60%	Tối thiểu 70%

Các chỉ tiêu nêu trên được theo dõi, đánh giá định kỳ 6 tháng một lần trên hai cấp độ: (1) chỉ tiêu đầu ra trực tiếp, phản ánh khối lượng và tiến độ hỗ trợ; (2) chỉ tiêu kết quả và tác động, gồm doanh thu của doanh nghiệp khởi nghiệp sau hỗ trợ, số việc làm được tạo ra, giá trị vốn huy động được và tỷ lệ doanh nghiệp khởi nghiệp tồn tại sau 2 năm. Trong quá trình thực hiện, các chỉ tiêu phát sinh có liên quan sẽ được xem xét, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn.

VII. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Dự kiến tổng kinh phí và phân bổ: Tổng 75 tỷ đồng từ ngân sách tỉnh, phân bổ cho các Chương trình như sau: Nền tảng ĐMST Cà Mau: 12 tỷ; Khởi nghiệp - Ươm tạo - Tăng tốc: 35 tỷ; Doanh nghiệp số Cà Mau: 16 tỷ; Nhân tài số

Cà Mau: 12 tỷ. Huy động thêm nguồn ngoài ngân sách (đồng tài trợ, quỹ đầu tư, xã hội hóa).

2. Phân kỳ theo 03 giai đoạn: Khởi động (2026-2027) khoảng 22 tỷ; tăng tốc (2028 - 2029) khoảng 38 tỷ; bứt phá (2030) khoảng 15 tỷ.

3. Nguyên tắc quản lý tài chính: Quản trị theo danh mục đầu tư, phân bổ theo mức độ tạo kết quả, không chia đều; giải ngân gắn kết quả đầu ra; voucher gắn nhà cung cấp được thẩm định; các khoản đồng tài trợ do hội đồng đầu tư độc lập thẩm định; công khai ngân sách, kết quả trên nền tảng. Trình tự, thủ tục thực hiện theo các quy định hiện hành.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì quản lý, thực hiện Chương trình; chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về tiến độ, hiệu quả và tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật trong thực hiện Chương trình. Là đầu mối phối hợp với các sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh triển khai các nội dung, nhiệm vụ của Chương trình.

- Hằng năm ban hành Kế hoạch triển khai chi tiết sau khi được UBND tỉnh phê duyệt chủ trương và dự toán ngân sách; chủ trì tổ chức triển khai; xây dựng, ban hành các chương trình thành phần và tiếp tục lấy ý kiến chuyên gia, cộng đồng doanh nghiệp, viện trường để hoàn thiện trước khi thực hiện.

- Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu cấp thẩm quyền bố trí ngân sách hằng năm; chủ trì thực hiện đánh giá giữa kỳ (năm 2028) và cuối kỳ (năm 2030-2031) Chương trình.

- Trình cơ quan có thẩm quyền công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo của tỉnh theo Nghị định 268/2025/NĐ-CP khi đủ điều kiện để khai thác các cơ chế đặc thù.

- Chủ động kết nối với các tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo trong và ngoài tỉnh, các quỹ đầu tư, trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp lớn nhằm huy động nguồn lực bổ sung.

- Xây dựng và vận hành hệ thống thông tin, dữ liệu hệ sinh thái đổi mới sáng tạo tỉnh; công khai thông tin tuyển chọn, kết quả thực hiện, báo cáo theo quy định.

- Định kỳ báo cáo UBND tỉnh kết quả triển khai thực hiện; thường xuyên rà soát, lồng ghép các nhiệm vụ của Chương trình với các kế hoạch về đổi mới sáng tạo của Trung ương và địa phương, đảm bảo hiệu quả, tránh trùng lắp.

- Trình tự, thủ tục thực hiện các chương trình, nội dung trong Kế hoạch này theo quy định hiện hành.

2. Sở Tài chính

- Hằng năm, trên cơ sở dự toán kinh phí của Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị cho các Chương trình, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Sở Tài chính tham mưu bố trí kinh phí thực hiện Chương trình phù hợp với khả năng cân đối ngân sách theo quy định Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

- Phối hợp trong xây dựng chính sách thu hút đầu tư vào lĩnh vực đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo; lồng ghép với các chương trình phát triển doanh nghiệp và thu hút đầu tư của tỉnh.

- Hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện Chương trình theo quy định.

3. Các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội

- Tuyên truyền, phổ biến cơ chế, chính sách về khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo; phát huy, thúc đẩy, lan tỏa tinh thần khởi nghiệp trong cơ quan, đơn vị.

- Theo chức năng, nhiệm vụ, phối hợp với Sở KH&CN triển khai thực hiện Chương trình; lồng ghép với các chương trình, kế hoạch của cơ quan, đơn vị hiệu quả và phù hợp thực tiễn.

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Tuyên truyền, phổ biến cơ chế, chính sách về khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo; phát huy tinh thần khởi nghiệp trong Nhân dân trên địa bàn.

- Chủ động xây dựng kế hoạch hỗ trợ khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo tại địa phương; rà soát, phối hợp với Sở KH&CN triển khai Chương trình; phát hiện và giới thiệu ý tưởng, dự án tiềm năng.

- Lồng ghép với các chương trình, kế hoạch về phát triển kinh tế - xã hội để triển khai phù hợp thực tiễn địa phương; ưu tiên phối hợp trong 3 trụ cột chiến lược của Chương trình.

IX. GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ VÀ ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH

1. Giám sát thực hiện

Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức kiểm tra, giám sát định kỳ và đột xuất việc thực hiện Chương trình theo quy định tại Nghị định số 267/2025/NĐ-CP, Nghị định số 268/2025/NĐ-CP, Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN và báo cáo tiến độ và kết quả thực hiện Chương trình theo quy định.

2. Đánh giá Chương trình

- Đánh giá giữa kỳ: Thực hiện vào năm 2028, do Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì nhằm đánh giá mức độ đạt được mục tiêu, xác định điểm nghẽn và đề xuất điều chỉnh nếu cần thiết.

- Đánh giá cuối kỳ: Thực hiện vào năm 2030-2031, đánh giá toàn diện kết quả, hiệu quả và tác động của Chương trình; làm cơ sở xây dựng Chương trình

đổi mới sáng tạo giai đoạn tiếp theo 2031-2035.

3. Điều chỉnh Chương trình

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh yêu cầu điều chỉnh nội dung, kinh phí hoặc tiến độ, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì tổng hợp, đề xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo quy định tại Nghị định số 267/2025/NĐ-CP, Nghị định số 268/2025/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

Trên đây là Chương trình Đổi mới sáng tạo tỉnh Cà Mau giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035; đề nghị các sở, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả, phù hợp thực tiễn; định kỳ các cơ quan, đơn vị báo cáo kết quả thực hiện và đề xuất khó khăn, vướng mắc về Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định thông qua Sở Khoa học và Công nghệ (nếu có)./.